

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020

Khoa: Động Lực

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: Công nghệ Ô Tô														
1	18C1-CNÔ1	46		0	0,00	3	6,52	5	10,87	38	82,61	0	0,00	
2	18C1-CNÔ2	40		0	0,00	0	0,00	5	12,50	35	87,50	0	0,00	
3	18C1-CNÔ3	43		0	0,00	1	2,33	9	20,93	33	76,74	0	0,00	
4	18C1-CNÔ4	44		2	4,55	4	9,09	13	29,55	25	56,82	0	0,00	
5	18C1-CNÔ5	45	1	0	0,00	1	2,22	7	15,56	33	73,33	4	8,89	
6	18C1-CNÔ6	39		0	0,00	2	5,13	4	10,26	33	84,62	0	0,00	
7	18C1-CNÔ7	41		0	0,00	1	2,44	6	14,63	34	82,93	0	0,00	
8	18C1-CNÔ8	47		0	0,00	2	4,26	7	14,89	37	78,72	1	2,13	
9	18C1-CNÔ9	43		0	0,00	4	9,30	8	18,60	30	69,77	1	2,33	
10	18C1-CNÔ10	45		0	0,00	1	2,22	8	17,78	34	75,56	2	4,44	
11	18C1-CNÔ11	37		0	0,00	2	5,41	6	16,22	28	75,68	1	2,70	
12	18C1-CNÔ12	51		1	1,96	6	11,76	6	11,76	38	74,51	0	0,00	
13	18C1-CNÔ13	42		0	0,00	2	4,76	4	9,52	36	85,71	0	0,00	
14	18C1-CNÔ14	42	1	0	0,00	0	0,00	4	9,52	38	90,48	0	0,00	
15	18C1-CNÔ15	39	1	3	7,69	3	7,69	11	28,21	22	56,41	0	0,00	
16	18C1-CNÔ16	41		0	0,00	2	4,88	2	4,88	37	90,24	0	0,00	
17	18C1-CNÔ17	40		0	0,00	0	0,00	4	10,00	33	82,50	3	7,50	



S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
18	19C1-CNÔ1	30	1	0	0,00	1	3,33	8	26,67	20	66,67	1	3,33	
19	19C1-CNÔ2	38		0	0,00	2	5,26	6	15,79	29	76,32	1	2,63	
20	19C1-CNÔ3	38		2	5,26	4	10,53	3	7,89	29	76,32	0	0,00	
21	19C1-CNÔ4	40		0	0,00	4	10,00	11	27,50	25	62,50	0	0,00	
22	19C1-CNÔ5	41		2	4,88	0	0,00	24	58,54	15	36,59	0	0,00	
23	19C1-CNÔ6	34		0	0,00	3	8,82	8	23,53	22	64,71	1	2,94	
24	19C1-CNÔ7	34		1	2,94	11	32,35	13	38,24	9	26,47	0	0,00	
25	19C1-CNÔ8	36		4	11,11	5	13,89	17	47,22	10	27,78	0	0,00	
26	19C1-CNÔ9	33	1	0	0,00	3	9,09	5	15,15	23	69,70	2	6,06	
27	19C1-CNÔ10	40		0	0,00	1	2,50	3	7,50	34	85,00	2	5,00	
28	19C1-CNÔ11	35		5	14,29	6	17,14	11	31,43	13	37,14	0	0,00	
29	19C1-CNÔ12	36		3	8,33	0	0,00	8	22,22	25	69,44	0	0,00	
30	19C1-CNÔ13	30		0	0,00	0	0,00	1	3,33	26	86,67	3	10,00	
31	19C1-CNÔ14	26		0	0,00	4	15,38	7	26,92	14	53,85	1	3,85	
32	19C1-CNÔ15	21		0	0,00	0	0,00	1	4,76	19	90,48	1	4,76	
33	19C3-CNÔ1	24		0	0,00	1	4,17	8	33,33	15	62,50	0	0,00	
34	19C3-CNÔ2	25		5	20,00	6	24,00	12	48,00	2	8,00	0	0,00	
35	19C4-CNÔ1	15		2	13,33	6	40,00	4	26,67	3	20,00	0	0,00	
36	19C2-CNÔ1	36		0	0,00	2	5,56	21	58,33	13	36,11	0	0,00	
37	19C2-CNÔ2	13		0	0,00	0	0,00	5	38,46	6	46,15	2	15,38	(B)
CỘNG 37 Lớp		1350	5	30	2,22	93	6,89	285	21,11	916	67,85	26	1,93	
Trung cấp														
Ngành: Công nghệ Ô Tô														
1	17T4-CNÔ1	41		0	0,00	0	0,00	6	14,63	34	82,93	1	2,44	
2	17T4-CNÔ2	34		0	0,00	0	0,00	5	14,71	29	85,29	0	0,00	
3	17T4-CNÔ3	37		0	0,00	0	0,00	1	2,70	33	89,19	3	8,11	
4	18T4-CNÔ1	33		0	0,00	0	0,00	0	0,00	30	90,91	3	9,09	

S TT	LỚP	SỈ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
5	18T4-CNÔ2	32		0	0,00	0	0,00	1	3,13	31	96,88	0	0,00	
6	18T4-CNÔ3	36		0	0,00	0	0,00	2	5,56	32	88,89	2	5,56	
7	18T4-CNÔ4	39		0	0,00	0	0,00	1	2,56	33	84,62	5	12,82	
8	18T4-CNÔ5	32		0	0,00	2	6,25	7	21,88	22	68,75	1	3,13	
9	19T4-CNÔ1	51		0	0,00	0	0,00	2	3,92	47	92,16	2	3,92	
10	19T4-CNÔ2	51		0	0,00	0	0,00	9	17,65	32	62,75	10	19,61	
11	19T4-CNÔ3	52		3	5,77	4	7,69	7	13,46	38	73,08	0	0,00	
12	19T4-CNÔ4	55		5	9,09	3	5,45	12	21,82	35	63,64	0	0,00	
13	19T4-CNÔ5	52		0	0,00	0	0,00	6	11,54	42	80,77	4	7,69	
14	19T2-CNÔ1	40		0	0,00	1	2,50	5	12,50	34	85,00	0	0,00	
CỘNG 14 Lớp		585	0	8	1,37	10	1,71	64	10,94	472	80,68	31	72	
51	TỔNG CỘNG (51 LỚP)	1935	5	38	1,96	103	5,32	349	18,04	1388	71,73	57	2,95	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

- Từ XS, Tốt, Khá	490	25,32	1878	97,05
- Trung bình	1388	71,73		
- Yếu	57	2,95		

